

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỬ NHÂN SƯ PHẠM NGŨ VĂN**

(kèm theo Quyết định số 2139a/QĐ-ĐHSP ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên)

I. Mô tả chương trình đào tạo

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học cử nhân sư phạm Ngữ văn được điều chỉnh năm 2022 nhằm mục đích phát triển một số ngành đào tạo của trường đại học sư phạm đạt tiêu chuẩn quốc gia; góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đại học và thực hiện các chương trình về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam.

Chương trình đào tạo đại học cử nhân sư phạm Ngữ văn được kế thừa từ chương trình đào tạo sư phạm Ngữ văn trước đó và được bổ sung, phát triển để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục phổ thông. Tất cả các môn học của chương trình đào tạo đại học cử nhân sư phạm Ngữ văn được giảng dạy bằng tiếng Việt, một số tiết dạy bằng tiếng Anh bởi các giảng viên chuyên ngành của Khoa Ngữ văn.

Sinh viên học tập tại khoa Ngữ văn được cung cấp các kiến thức cơ bản về khoa học giáo dục và sư phạm Ngữ văn, được giới thiệu các giáo trình, chuyên khảo tại thư viện của Trường ĐHSP và trung tâm học liệu Đại học Thái Nguyên.

2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Sư phạm Ngữ văn
Tên chương trình (tiếng Anh)	Philology Education
Mã ngành đào tạo:	7140217
Trường cấp bằng:	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên
Tên gọi văn bằng:	Cử nhân sư phạm
Trình độ đào tạo:	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu:	137
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	4 năm
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh tốt nghiệp THPT
Thang điểm đánh giá	10
Điều kiện tốt nghiệp:	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo đạt 137 tín chỉ; - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên; - Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất; - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ; - Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin.

Vị trí việc làm:	- Giảng dạy Ngữ văn tại các trường THCS, THPT; Giảng dạy ngôn ngữ, giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài; - Làm chuyên viên các TT nghiên cứu, sáng tác văn học, các Vụ, Viện nghiên cứu KHXH và KHGD; - Làm cán bộ công chức, chuyên viên các cơ quan đoàn thể xã hội; - Làm tại các cơ quan báo, đài truyền hình, dịch vụ, hướng dẫn viên du lịch.
Học tập nâng cao trình độ:	Người tốt nghiệp có thể tiếp tục học thạc sĩ và tiến sĩ trong và ngoài nước.
Chương trình tham khảo khi xây dựng:	- Chương trình nước ngoài: CTĐT Cử nhân Ngữ văn trường Đại học Sư phạm Quốc gia Tula mang tên L.N.Tolstoy - Chương trình trong nước: CTĐT Cử nhân Sư phạm Ngữ văn của trường ĐHSP Hà Nội
Thời gian cập nhật bản mô tả	09/2022

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Ngữ văn là đào tạo giáo viên Ngữ văn, cán bộ nghiên cứu, chuyên viên phụ trách chuyên môn tại các cơ sở giáo dục, nghiên cứu tại các cơ quan văn hóa thuộc khu vực Trung du, miền núi phía Bắc và trong cả nước.

Người học sau khi tốt nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp; có khả năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và giải quyết những yêu cầu của lý luận, thực tiễn dạy học Ngữ văn; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc, tự thích ứng để học tập suốt đời; có ý thức phục vụ nhân dân.

3.2. Mục tiêu cụ thể

PO1. Hiểu và vận dụng sáng tạo kiến thức chuyên môn vào quá trình dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông.

PO2. Vận dụng kiến thức về lý luận dạy học, tâm lý học, giáo dục học vào dạy học Ngữ văn và giáo dục học sinh.

PO3. Vận dụng kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học Mác-Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối cách mạng của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công việc và trong cuộc sống.

PO4. Sử dụng linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

PO5. Sử dụng được công nghệ thông tin, tiếng Anh trong hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.

PO6. Sử dụng hiệu quả kỹ năng ngôn ngữ, giao tiếp sư phạm để giảng dạy, tư vấn, hỗ trợ người học và quản lý ở trường phổ thông.

PO7. Có năng lực tự học, tự nghiên cứu, trải nghiệm để phát triển nghề nghiệp; sáng tạo trong giải quyết các vấn đề thực tiễn ở trường phổ thông và trong cuộc sống.

PO8. Có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm đối với người học, nhà trường; có tư duy phản biện xã hội.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

4.1. Kiến thức

* Kiến thức chung

1) PLO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về lí luận chính trị và pháp luật Việt Nam trong hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.

2) PLO2: Vận dụng được các kiến thức tâm lí học, giáo dục học, quản lí nhà trường để tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục.

* Kiến thức chuyên môn

3) PLO3: Vận dụng được kiến thức chuyên môn toàn diện vào dạy học Ngữ văn và giáo dục học sinh ở trường phổ thông.

4) PLO4: Vận dụng được kiến thức cơ bản về văn học, văn hóa, ngôn ngữ để phát triển kiến thức mới, để có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

5) PLO5: Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học Ngữ văn; khai thác, phát triển được học liệu, phương tiện dạy học hiệu quả để xử lí tốt các tình huống dạy học, giáo dục.

6) PLO6: Đánh giá được trình độ nhận thức, năng lực người học, nhu cầu phát triển năng lực người học để lựa chọn mức độ kiến thức, kĩ năng, phương pháp giáo dục cho phù hợp.

4.2. Kĩ năng

* Kĩ năng chung

7) PLO7: Giao tiếp hiệu quả và thực hiện được hoạt động tư vấn trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.

8) PLO8: Khai thác được các ứng dụng của công nghệ thông tin để tự học, nghiên cứu khoa học, dạy học, đánh giá và quản lí học sinh.

9) PLO9: Sử dụng được tiếng Anh tương đương bậc 3/6 trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.

* Kĩ năng chuyên môn

10) PLO10: Ứng dụng được các tri thức đã học vào nghiên cứu, giảng dạy, tổ chức hoạt động trải nghiệm về khoa học Ngữ văn cho học sinh trong môi trường giáo dục đa văn hóa.

11) PLO11: Vận dụng hiệu quả các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và sự tiến bộ của người học trong học tập môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

12) PLO12: Vận dụng sáng tạo tri thức đã học vào giải quyết các vấn đề thực tiễn ở trường phổ thông.

13) PLO13: Sử dụng linh hoạt kĩ năng ngôn ngữ và giao tiếp sư phạm trong dạy học Ngữ văn và trong cuộc sống.

4.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

14) PLO14: Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở cơ quan.

15) PLO15: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm, học tập suốt đời; đánh giá để đưa ra kết luận và có giải pháp cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.

16) PLO16: Có tư duy phản biện xã hội, tuyên truyền, lan tỏa những thông điệp tích cực đến học sinh, đồng nghiệp, phụ huynh.

5. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu cụ thể	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, PLOs:															
	Kiến thức						Kỹ năng							NL tự chủ và trách nhiệm		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
PO1			x	x						x						
PO2		x										x				
PO3	x											x				
PO4					x	x					x					
PO5								x	x							
PO6							x						x			
PO7										x		x			x	
PO8														x		x

6. Phương pháp/chiến lược dạy – học và phương pháp kiểm tra đánh giá

6.1. Phương pháp/chiến lược dạy – học

6.1.1. Chuẩn bị của giảng viên

Giảng viên giảng dạy chương trình cử nhân sư phạm Ngữ văn cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau. i) nắm rõ kiểu dạng lớp học mà mình đang giảng dạy (lớp học có lý thuyết hay thực hành; môn học bắt buộc, môn học tự chọn hay môn học thay thế tốt nghiệp). ii) nắm rõ kiểu dạy học (dạy học liên môn, dạy học trực tuyến hay dạy học tích hợp). iii) hiểu rõ sinh viên của mình (sinh viên năm nhất, năm hai, năm ba hay năm cuối đại học). iv) hiểu rõ về các chính sách trong học tập.

6.1.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

- Phương pháp thích nghi với người học, đặt trọng tâm ở người học;
- Thay đổi cách thức hoạt động dạy và học của GV và SV: Người học cần nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn, thảo luận nhiều hơn, với trạng thái thoải mái, hứng thú hơn, trong mối quan hệ thân thiện dân chủ để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo;
- Các phương pháp được sử dụng chủ yếu: thuyết trình, seminar, bài tập, thảo luận, thực tế, thực hành, E-learning, tiểu luận, dự án, lớp học đảo ngược.

6.1.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm /1 lần hướng điều chỉnh đáp ứng chương trình và SGK phổ thông mới;
- Có nhiều hình thức hỗ trợ sv trong nhiệm vụ rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm;
- Hàng kì các Bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của GV đặc biệt là GV trẻ, GV dạy những môn học mới để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nâng cao năng lực GV;
- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, tâm, đức trách nhiệm của người thầy.

6.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá

6.2.1. Đánh giá quá trình

Kĩ năng đánh giá quá trình giúp quản lí việc học của người học trong quá trình học. Những phản hồi ghi nhận được sử dụng để giúp người dạy phát hiện những khó khăn mà người học đang gặp phải, từ đó người dạy có thể điều chỉnh việc dạy còn người học có thể điều chỉnh việc học của mình. Đánh giá quá trình diễn ra thường xuyên vào mỗi kì học, đánh giá quá trình bao gồm:

- **Đánh giá chuyên cần:** Tiêu chí đánh giá dựa trên Rubric đánh giá chuyên cần.
- **Bài tập nhóm:** Tiêu chí đánh giá dựa trên Rubric đánh giá kết quả làm việc nhóm
- **Bài tập cá nhân:** Tiêu chí đánh giá dựa trên Rubric đánh giá bài tập cá nhân
- **Bài thực hành:** Tiêu chí đánh giá dựa trên Rubric đánh giá kết quả thực hành của người học.
- **Bài kiểm tra định kì:** Tiêu chí đánh giá là đáp án, thang điểm.

6.2.2. Đánh giá kết quả

Các phương thức đánh giá kết quả đánh giá việc học của người học qua các bài đánh giá mức độ cao. Việc này thường diễn ra vào cuối mỗi kì học, nhằm đánh giá kết quả mà người học đã đạt được.

- **Bài thi:** Được thực hiện khi kết thúc học phần. Hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm. Tiêu chí đánh giá là đáp án và thang điểm.
- **Bài tiểu luận (hoặc Báo cáo thu hoạch):** Đa phần các dự án này yêu cầu cá nhân sinh viên phải hoàn thành một nghiên cứu về Ngữ văn hoặc giáo dục Ngữ văn.

II. Mô tả chương trình dạy học (Curriculum)

1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Loại học phần	Số tín chỉ
1.	Kiến thức giáo dục đại cương, 28 tín chỉ	Bắt buộc	26
		Tự chọn	2
2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, 72 tín chỉ		

2.1.	Kiến thức cơ sở ngành, 10 tín chỉ	Bắt buộc	8
		Tự chọn	2
2.2.	Kiến thức ngành, 62 tín chỉ	Bắt buộc	52
		Tự chọn	10
3.	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm, 30 tín chỉ	Bắt buộc	26
		Tự chọn	4
4.	Khoá luận, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp, 7 tín chỉ	Khóa luận	7
		Các môn thay thế khóa luận	7
Tổng số			137

* Khối kiến thức giáo dục đại cương, gồm 18 học phần (*Triết học Mác - Lênin; Kinh tế chính trị Mác- Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Pháp luật đại cương; Tin học đại cương; Tiếng Anh 1; Tiếng Anh 2; Tiếng Anh 3; Giáo dục thể chất 1; Giáo dục thể chất 2; Giáo dục thể chất 3; Giáo dục quốc phòng; Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành GDDT; Tiếng Việt thực hành; Tin học đại cương; Môi trường và phát triển; Xã hội học đại cương*).

Khối kiến thức giáo dục đại cương giúp người học có kiến thức vững chắc về về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tiếng Anh và giáo dục thể chất để người học vận dụng được những kiến thức đó vào lập kế hoạch và tổ chức dạy học môn Ngữ văn và hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.

* Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành + kiến thức ngành), gồm 39 học phần (*Cơ sở văn hóa Việt Nam; Cơ sở ngôn ngữ học; Mỹ học và nguyên lý lý luận văn học; Phương pháp nghiên cứu khoa học Ngữ văn; Thi pháp học; Âm nhạc, nghệ thuật tạo hình với văn học; Thực tế văn học ; Tác phẩm và thể loại văn học; Tiến trình văn học; Ngữ âm – Từ vựng tiếng Việt; Ngữ pháp tiếng Việt; Ngữ dụng – Phong cách học tiếng Việt; Làm văn; Từ Hán Việt ; Văn học dân gian Việt Nam; Tổng quan văn học Việt Nam trung đại; Tác gia văn học Việt Nam trung đại ; Minh giải văn bản văn học Việt Nam trung đại; Tổng quan văn học Việt Nam hiện đại; Tác gia văn học Việt Nam giai đoạn từ 1900 đến 1945; Tác gia văn học Việt Nam giai đoạn từ 1945 đến nay; Văn học Trung Quốc; Văn học Nga; Văn học phương Tây; Văn học Ấn Độ - Nhật Bản; Dạy học Tiếng Việt ở trường phổ thông; Dạy học từ Hán Việt ở trường phổ thông; Dạy học văn học dân gian ở trường phổ thông; Dạy học tác phẩm văn học trung đại ở trường phổ thông; Dạy học tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại ở trường phổ thông ; Dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông; Văn học địa phương khu vực miền núi phía Bắc ; Tiếp cận tác phẩm văn học từ các phạm trù thẩm mỹ; Ngôn ngữ báo chí; Việt ngữ học với nghiệp vụ văn thư văn phòng; Điền dã, sưu*

tâm văn hóa dân gian; Văn học Việt Nam đương đại; Văn hóa và phát triển; Văn học Hậu hiện đại thế giới).

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp giúp người học có được kiến thức chuyên môn toàn diện ứng dụng vào dạy học môn Ngữ văn và giáo dục học sinh ở trường phổ thông, người học cũng có thể phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

* Kiến thức nghiệp vụ sư phạm, gồm 16 học phần (*Tâm lý học giáo dục; Giáo dục học; Phát triển chương trình môn Ngữ văn; Lý luận dạy học Ngữ văn; Đánh giá trong dạy học Ngữ văn; Dạy học Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực; Thực hành sư phạm 1; Thực hành sư phạm 2; Thực tập sư phạm 1; Thực tập sư phạm 2; Giao tiếp sư phạm; Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn; Dạy học Lý luận văn học ở trường phổ thông; Nghiên cứu khoa học trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông; Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông; Tổ chức hoạt động rèn luyện kỹ năng viết văn nghị luận ở trường phổ thông*).

Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm giúp cho người học hiểu và vận dụng được các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và sự tiến bộ của người học; người học có khả năng ứng dụng các tri thức đã học vào nghiên cứu, giảng dạy, tổ chức hoạt động trải nghiệm về khoa học Ngữ văn cho học sinh trong môi trường giáo dục phổ thông.

* Khoa luận, các học phần thay thế khoa luận tốt nghiệp, gồm 11 học phần: *Dạy học văn bản văn học ở trường phổ thông; Dạy học văn bản thông tin ở trường phổ thông; Dạy học chuyên đề tự chọn môn Ngữ văn; Ngôn ngữ với vấn đề bảo tồn văn hóa trong đời sống các dân tộc thiểu số; Vận dụng tri thức văn hóa vào giảng dạy văn học dân gian ở trường phổ thông; Văn hóa truyền thống trong văn học Việt Nam trung đại; Ứng dụng lí thuyết ngôn ngữ trong nghiên cứu tác phẩm văn chương; Giải mã văn học dân gian từ mã văn hóa; Thơ mới và dạy Thơ mới ở trường phổ thông; Đề án viết sáng tạo; Văn học và đời sống*).

Khối kiến thức này giúp cho người học phân tích, vận dụng được các kiến thức toàn diện, phương pháp dạy học bộ môn, phương tiện dạy học hiệu quả để xử lý tốt các tình huống dạy học, giáo dục đa dạng.

2. Danh sách các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1. Kiến thức giáo dục đại cương			28
Các học phần bắt buộc			26
1	55SPH131	Triết học Mác - Lênin	3

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
2	55SPE121	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2
3	55SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4	55HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
5	55HPV121	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
6	55EDL121	Pháp luật đại cương	2
7	55GIF131	Tin học đại cương	3
8	55ENG131	Tiếng Anh 1	3
9	55ENG132	Tiếng Anh 2	3
10	55ENG143	Tiếng Anh 3	4
11	55PHE111	Giáo dục thể chất 1	
12	55PHE112	Giáo dục thể chất 2	
13	55PHE113	Giáo dục thể chất 3	
14	55MIE131	Giáo dục quốc phòng	
Các học phần tự chọn			2
15	55GME121	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành GDDT	2
16	55VIU121	Tiếng Việt thực hành	2
17	55EDE121	Môi trường và phát triển	2
18	55GSO121	Xã hội học đại cương	2
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			72
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			10
Các học phần bắt buộc			8
19	55VCF221	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
20	55BLG221	Cơ sở ngôn ngữ học	2
21	55GAE221	Mỹ học và nguyên lý lý luận văn học	2
22	55SMP221	Phương pháp nghiên cứu khoa học Ngữ văn	2
Các học phần tự chọn			2
23	55PRO221	Thi pháp học	2

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
24	55MVL221	Âm nhạc, nghệ thuật tạo hình với văn học	2
25	55PPE221	Thực tế văn học	2
2.2. Kiến thức ngành			62
Các học phần bắt buộc			52
26	55LWG331	Tác phẩm và thể loại văn học	3
27	55LIP331	Tiến trình văn học	3
28	55VPV331	Ngữ âm – Từ vựng tiếng Việt	3
29	55VMG341	Ngữ pháp tiếng Việt	4
30	55PVS331	Ngữ dụng – Phong cách học tiếng Việt	3
31	55WRI331	Làm văn	3
32	55SVV321	Từ Hán Việt	2
33	55VIF341	Văn học dân gian Việt Nam	4
34	55MVL331	Tổng quan văn học Việt Nam trung đại	3
35	55AML331	Tác gia văn học Việt Nam trung đại	3
36	55ITM321	Minh giải văn bản văn học Việt Nam trung đại	2
37	55EVL331	Tổng quan văn học Việt Nam hiện đại	3
38	55AVL331	Tác gia văn học Việt Nam giai đoạn từ 1900 đến 1945	3
39	55AVL332	Tác gia văn học Việt Nam giai đoạn từ 1945 đến nay	3
40	55CHL321	Văn học Trung Quốc	2
41	55RSL321	Văn học Nga	2
42	55WEL341	Văn học phương Tây	4
43	55IJL321	Văn học Ấn Độ - Nhật Bản	2
Các học phần tự chọn			10
Tự chọn 1			10
44	55MEL321	Ngôn ngữ báo chí	2

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
45	55LNM321	Văn học địa phương khu vực miền núi phía Bắc	2
46	55FCF321	Điền dã, sưu tầm văn hóa dân gian	2
47	55TSV321	Dạy học từ Hán Việt ở trường phổ thông	2
48	55TFL321	Dạy học văn học dân gian ở trường phổ thông	2
49	55TML321	Dạy học tác phẩm văn học trung đại ở trường phổ thông	2
50	55TMS321	Dạy học tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại ở trường phổ thông	2
Tự chọn 2			10
51	55WAC321	Tiếp cận tác phẩm văn học từ các phạm trù thẩm mỹ	2
52	55LCP321	Viết ngữ học với nghiệp vụ văn thư văn phòng	2
53	55TFL321	Dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông	2
54	55TVI321	Dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông	2
55	55CVL321	Văn học Việt Nam đương đại	2
56	55CAD321	Văn hóa và phát triển	2
57	55POL321	Văn học Hậu hiện đại thế giới	2
3. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm			32
Các học phần bắt buộc			28
58	55EPS431	Tâm lý học giáo dục	3
59	55PEP441	Giáo dục học	4
60	55DPC421	Phát triển chương trình môn Ngữ văn	2

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
61	55TPT431	Lý luận dạy học Ngữ văn	3
62	55ETP421	Đánh giá trong dạy học Ngữ văn	2
63	55TPC431	Dạy học Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực	3
64	55PEP421	Thực hành sư phạm 1	2
65	55PEP422	Thực hành sư phạm 2	2
66	55TRA421	Thực tập sư phạm 1	2
67	55TRA432	Thực tập sư phạm 2	3
Các học phần tự chọn			4
68	55COS421	Giao tiếp sư phạm	2
69	55ITP421	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn	2
70	55TLT421	Dạy học Lý luận văn học ở trường phổ thông	2
71	55SRT421	Nghiên cứu khoa học trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông	2
72	55OTC421	Tổ chức hoạt động trải nghiệm môn Ngữ văn	2
73	55APW421	Tổ chức hoạt động rèn luyện kỹ năng viết văn nghị luận ở trường phổ thông	2
4. Khoá luận tốt nghiệp, các học phần thay thế khoá luận			7
74	55LIT971	Khoá luận tốt nghiệp	7
Các môn thay thế khóa luận			7
Tự chọn 1 (chọn 7 TC: 1 môn Phương pháp + 1 môn Văn học + 1 môn Ngôn ngữ)			7
75	55TTB931	Dạy học văn bản văn học ở trường phổ thông	3
76	55TEP931	Dạy học chuyên đề tự chọn môn Ngữ văn	3
77	55TTC931	Dạy học văn bản thông tin ở trường phổ	3

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
		thông	
78	55LCE921	Ngôn ngữ với vấn đề bảo tồn văn hóa trong đời sống các dân tộc thiểu số	2
79	55ACF921	Vận dụng tri thức văn hóa vào giảng dạy văn học dân gian ở trường phổ thông	2
80	55CML921	Văn hóa truyền thống trong văn học Việt Nam trung đại	2
Tự chọn 2 (chọn 3 môn cho đủ 07 TC)			7
81	55ALW921	Ứng dụng lí thuyết ngôn ngữ trong nghiên cứu tác phẩm văn chương	2
82	55IFC921	Giải mã văn học dân gian từ mã văn hóa	2
83	55TTS921	Thơ mới và dạy Thơ mới ở trường phổ thông	2
84	55PCW931	Đề án viết sáng tạo	3
85	55LIL931	Văn học và đời sống	3
Tổng cộng			137

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ 1		Năm thứ 2	
Học kì 1	Học kì 2	Học kì 1	Học kì 2
55SPH131, Triết học Mác - Lênin*	55SPE121, Kinh tế chính trị Mác - Lênin*	55SSO121, Chủ nghĩa xã hội khoa học*	55ENG143, Tiếng Anh 3*
55VCF221, Cơ sở văn hóa Việt Nam*	55GIF131, Tin học đại cương*	55ENG132, Tiếng Anh 2*	55EDL121, Pháp luật đại cương*
55GAE221, Mĩ học và nguyên lí lí luận văn học *	55ENG131, Tiếng Anh 1*	55PHE113, Giáo dục thể chất 3*	55MIE131, Giáo dục quốc phòng*
55VIF341, Văn học dân gian Việt Nam*	Tổng quan 55MVL331 văn học Việt Nam trung đại*	55SMP221, Phương pháp nghiên cứu khoa học	55WRI331, Làm văn*

		học Ngữ văn*	
55EPS431, Tâm lý học giáo dục*	55LWG331 Tác phẩm và thể loại văn học*	55LIP331, Tiến trình văn học*	55CHL321, Văn học Trung Quốc*
55BLG 221, Cơ sở ngôn ngữ học*	55PEP441 Giáo dục học*	55AML331, Tác gia văn học Việt Nam trung đại*	55TPT431, Lý luận dạy học Ngữ văn*
Giáo dục thể chất 1*	Giáo dục thể chất 2*	55IJL321, Văn học Ấn Độ - Nhật Bản*	55HCM121, Tư tưởng Hồ Chí Minh*
	55VIU221, Tiếng Việt thực hành	DPC421M, Phát triển chương trình môn Ngữ văn*	55VPV331, Ngữ âm – Từ vựng tiếng Việt*
	55EDE121, Môi trường và phát triển	55PEP321N, Thực hành sư phạm 1*	55FCF321, Điền dã, sưu tầm văn hóa dân gian
	55GSO121, Xã hội học đại cương	55COS321, Giao tiếp sư phạm	55MVL221, Âm nhạc, nghệ thuật tạo hình với văn học
	55CAD321, Văn hóa và phát triển		
Năm thứ 3		Năm thứ 4	
Học kì 1	Học kì 2	Học kì 1	Học kì 2
55HPV121, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*	55PVS331, Ngữ dụng – Phong cách học tiếng Việt*	55AVL332, Tác gia văn học Việt Nam giai đoạn từ 1945 đến nay*	55TRA432, Thực tập sư phạm 2*
55VMG341, Ngữ pháp tiếng Việt*	55AVL331, Tác gia văn học Việt Nam giai đoạn từ 1900 đến 1945*	55ITM321, Minh giải văn bản văn học Việt Nam trung đại*	55LIT971, Khóa luận tốt nghiệp*
55EVL331, Tổng quan văn học Việt Nam hiện đại*	55WEL341, Văn học phương Tây*	55PEP426, Thực hành sư phạm 2*	55TTB931, Dạy học văn bản văn học ở trường phổ thông
55RSL321, Văn học Nga*	55TPC421, Dạy học Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực*	55GME121, Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành	55TEP931, Dạy học chuyên đề tự chọn môn Ngữ văn
55ETP421, Đánh giá trong dạy học Ngữ văn*	55SVV321, Từ Hán Việt*	55PPE221, Thực tế văn học	55TTC931, Dạy học văn bản thông tin ở trường phổ thông

55TRA421, Thực tập sư phạm 1*	55ITW321, Vận dụng lý thuyết liên văn bản trong dạy học tác phẩm văn học	55TVI321, Dạy học Tiếng Việt ở trường phổ thông	55CEL921, Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số trong mối quan hệ với văn hóa
55TFL321, Dạy học văn học dân gian ở trường phổ thông	55TML321, Dạy học tác phẩm văn học trung đại ở trường phổ thông	55TMS321, Dạy học tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại ở trường phổ thông	55IFC921, Giải mã văn học dân gian từ mã văn hóa
WAC321M , Tiếp cận tác phẩm văn học từ các phạm trù thẩm mỹ	55PRO221, Thi pháp học	55LNM321, Văn học địa phương khu vực miền núi phía Bắc	55TTS921, Thơ mới và dạy Thơ mới ở trường phổ thông
55ITP421, Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn		55TFL321, Dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông	55ALW921, Ứng dụng lí thuyết ngôn ngữ trong nghiên cứu tác phẩm văn chương
55TLT421, Dạy học Lý luận văn học ở trường phổ thông		55NEL321, Ngôn ngữ báo chí	55ACF921, Vận dụng tri thức văn hóa vào giảng dạy văn học dân gian ở trường phổ thông
		55LCP321, Việt ngữ học với nghiệp vụ văn thư văn phòng	55CML921, Văn hóa truyền thống trong văn học Việt Nam trung đại
		55CVL321, Văn học Việt Nam đương đại	55LIL931, Văn học và đời sống
		55POL321, Văn học Hậu hiện đại thế giới	55PCW931, Đề án viết sáng tạo
		55TSV321, Dạy học từ Hán Việt ở trường phổ thông	
		55SRT421, Nghiên cứu khoa học trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông	
		55OCT421, Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học	

Ghi chú: * là học phần bắt buộc

(0: Đóng góp không rõ ràng; 1: Đóng góp mức thấp;

V.
Ờ
H
H
H

(0: Đóng góp không rõ ràng; 1: Đóng góp mức thấp; 2: Đóng góp mức trung

bình; 3: Đóng góp mức cao)

Tên học phần	Mã học phần	Kiến thức (PLOs)							Kỹ năng (PLOs)						NL tự chủ và trách nhiệm (PLOs)		
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Triết học Mác – Lênin	55SPH 131	3	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	2	0	0

Kinh tế chính trị Mác – Lênin	55SPE 121	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Chủ nghĩa xã hội	55SSO 121	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Tư tưởng Hồ Chí Minh	55HC M121	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	55HPV 121	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	2	0
Pháp luật đại cương	55EDL 121	3	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Tiếng Anh 1	55ENG 131	0	0	0	0	0	0	2	2	3	0	0	0	0	0	2	0
Tiếng Anh 2	55ENG 132	0	0	0	0	0	0	2	2	3	0	0	0	0	0	2	0
Tiếng Anh 3	55ENG 143	0	0	0	0	0	0	2	2	3	0	0	0	0	0	2	0
Giáo dục thể chất 1	55PHE 111	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	3	0
Giáo dục thể chất 2	55PHE 112	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	3	0
Giáo dục thể chất 3	55PHE 113	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	3	0
Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành GDĐT	55GM E121	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0
Tiếng Việt thực hành	55VIU 121	0	1	3	2	3	1	3	2	1	1	2	2	3	0	2	2
Tin học đại cương	55GIF 131	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	2	0

Môi trường và phát triển	55EDE 121	0	0	0	0	0	0	3	1	1	0	0	0	0	0	2	0
Xã hội học đại cương	55GSO 121	3	0	0	0	0	0	0	0	0	2	1	2	0	0	1	1
Cơ sở văn hóa Việt Nam	55VCF 121	0	0	2	0	0	0	1	1	1	2	0	1	0	0	1	1
Cơ sở ngôn ngữ học	55BLG 221	0	1	3	3	3	2	3	2	1	3	2	2	3	2	3	3
Mỹ học và nguyên lý lý luận văn học	55GAE 221	0	0	3	2	2	2	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1
Phương pháp nghiên cứu khoa học Ngữ văn	55SMP 221	0	1	3	3	3	2	3	2	1	3	2	2	3	2	3	3
Thi pháp học	55PRO 221	0	0	2	2	2	1	2	1	1	2	1	1	1	1	1	1
Âm nhạc, nghệ thuật tạo hình với văn học	55MV L221	0	0	3	3	3	2	1	1	0	2	2	2	2	1	2	2
Thực tế văn học	55PPE 221	1	1	2	1	2	1	1	1	1	2	2	2	3	1	2	1
Tác phẩm và thể loại văn học	55LW G331	0	0	3	2	2	2	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1
Tiến trình văn học	55LIP3 31	0	0	2	2	3	1	2	1	1	2	1	1	1	1	1	1
Ngữ âm – Từ vựng tiếng Việt	55VPV 331	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3	2	3	2
Ngữ pháp tiếng Việt	55VM G341	0	1	3	3	3	2	3	2	1	2	3	3	3	1	3	2

Ngữ dụng – Phong cách học tiếng Việt	55PVS 331	1	1	3	3	3	2	3	2	1	2	2	3	3	2	3	3
Làm văn	55WRI 331	1	1	3	3	3	2	2	3	0	2	2	3	3	1	3	3
Từ Hán Việt	55SVV 321	1	1	3	3	3	2	3	2	1	3	2	2	3	1	3	3
Văn học dân gian Việt Nam	55VIF 341	0	0	3	3	3	1	2	2	1	3	3	3	3	1	3	2
Tổng quan văn học Việt Nam trung đại	55MV L331	0	1	3	2	3	1	2	2	0	2	3	3	3	0	3	2
Tác gia văn học Việt Nam trung đại	55AM L331	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3	0	3	2
Minh giải văn bản văn học Việt Nam trung đại	55ITM 321	0	0	1	2	2	1	0	1	0	2	0	1	1	2	2	2
Tổng quan văn học Việt Nam hiện đại	55EVL 331	0	1	3	1	2	1	1	2	1	1	3	2	2	1	2	1
Tác gia văn học Việt Nam giai đoạn từ 1900 đến 1945	55AVL 331	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3	0	3	2
Tác gia văn học Việt Nam giai đoạn từ 1945 đến nay	55AVL 332	0	1	3	1	2	1	2	2	1	1	2	2	3	0	2	2
Văn học	55CHL	0	0	3	3	3	3	2	1	1	3	2	3	2	1	1	2

Trung Quốc	321																
Văn học Nga	55RSL 321	0	0	3	3	3	3	1	1	1	2	1	3	1	1	1	1
Văn học phương Tây	55WE L341	0	0	3	3	3	3	1	1	1	2	1	3	1	1	1	1
Văn học Ấn Độ - Nhật Bản	55IJL3 21	0	0	2	2	1	1	0	1	1	0	0	0	0	0	1	1
Ngôn ngữ báo chí	55ME L321	1	1	1	3	1	1	1	2	2	1	3	3	3	1	3	3
Văn học địa phương khu vực miền núi phía Bắc	55LN M321	0	1	2	1	2	1	1	2	1	1	2	2	3	1	3	2
Diễn dã, sưu tầm văn hóa dân gian	55FCF 321	0	0	3	3	1	0	1	2	0	3	0	1	2	0	3	2
Dạy học từ Hán Việt ở trường phổ thông	55TVS 321	1	1	3	3	3	2	3	2	1	3	2	2	3	1	3	3
Dạy học văn học dân gian ở trường phổ thông	55TFL 321	0	0	3	3	2	1	1	1	0	2	2	3	1	1	3	1
Dạy học tác phẩm văn học trung đại ở trường phổ thông	55TM L321	0	0	3	3	3	1	1	1	0	2	2	3	1	1	3	1
Dạy học tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại ở trường phổ	55TMS 321	0	2	3	1	3	2	2	2	0	3	2	2	3	0	3	2

thông																	
Tiếp cận tác phẩm văn học từ các phạm trù thẩm mỹ	55WA C321	0	0	3	2	2	2	1	2	1	1	1	2	2	2	1	1
Viết ngữ học với nghiệp vụ văn thư văn phòng	55LCP 321	1	0	1	2	0	0	0	1	1	2	0	2	1	0	1	1
Dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông	55TFL 321	0	0	3	3	3	2	1	1	1	3	1	3	1	1	1	1
Dạy học Tiếng Việt ở trường phổ thông	55TVI 321	0	1	3	3	3	2	3	2	1	3	2	2	3	2	3	3
Văn học Việt Nam đương đại	55CVL 321	0	2	3	1	3	2	2	2	0	1	2	2	3	0	3	1
Văn hóa và phát triển	55CA D321	0	0	2	0	1	0	1	1	1	0	0	0	0	0	1	1
Văn học Hậu hiện đại thế giới	55POL 321	0	0	2	2	1	1	0	1	1	0	0	0	0	0	1	1
Tâm lý học giáo dục	55EPS 331	0	3	0	0	0	0	2	3	0	0	0	0	0	2	1	0
Giáo dục học	55PEP 341	0	3	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Phát triển chương trình môn Ngữ văn	55DPC 421	2	2	3	1	3	3	3	3	2	1	3	2	2	2	1	2
Lý luận dạy học Ngữ văn	55TPT 431	0	1	3	1	2	1	3	3	1	1	3	2	3	0	3	1

Đánh giá trong dạy học Ngữ văn	55ETP 421	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Dạy học Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực	55TPC 431	0	2	3	1	3	1	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1
Thực hành sự phạm 1	55PEP 421	0	2	3	1	3	1	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1
Thực hành sự phạm 2	55PEP 422	0	2	3	1	3	1	2	2	1	3	1	2	3	1	3	1
Giao tiếp sự phạm	55COS 421	0	3	0	0	0	0	3	2	0	0	0	0	0	3	2	0
Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn	55ITP 421	2	2	1	3	2	2	3	3	3	3	2	2	1	2	1	1
Dạy học Lý luận văn học ở trường phổ thông	55TLT 421	0	2	3	1	3	1	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1
Nghiên cứu khoa học trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông	55SRT 421	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ	55OTC 421	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2

thông																	
Tổ chức hoạt động rèn luyện kỹ năng viết văn nghị luận ở trường phổ thông	55APW421	1	1	3	1	3	1	1	2	1	3	3	3	1	1	3	1
Dạy học văn bản văn học ở trường phổ thông	55TTB931	1	1	3	1	3	1	2	2	1	3	3	2	1	1	3	2
Dạy học chuyên đề tự chọn môn Ngữ văn	55TEP931	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Dạy học văn bản thông tin ở trường phổ thông	55TTC931	0	2	3	1	3	1	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1
Ngôn ngữ với vấn đề bảo tồn văn hóa trong đời sống các dân tộc thiểu số	55LCE921	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3	2	3	2
Vận dụng tri thức văn hóa vào giảng dạy văn học dân gian ở trường phổ thông	55ACF921	0	0	3	3	2	2	2	2	0	3	3	3	1	0	3	2
Văn hóa truyền thống trong văn học	55CML921	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3	0	3	2

Việt Nam trung đại																	
Ứng dụng lí thuyết ngôn ngữ trong nghiên cứu tác phẩm văn chương	55AL W921	0	1	3	2	2	1	3	1	1	2	1	2	3	0	3	2
Giải mã văn học dân gian từ mã văn hóa	55IFC 921	0	0	3	1	1	1	1	1	0	3	1	2	1	1	1	1
Thơ mới và dạy Thơ mới ở trường phổ thông	55TTS 921	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	1	1	1
Đề án viết sáng tạo	55PW 931	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	1	1	1
Văn học và đời sống	55LIL9 31	1	1	3	2	2	1	2	1	1	1	3	2	2	1	2	1

6. Mô tả tóm tắt các học phần

6.1. HỌC PHẦN TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN, MÃ HP: 55SPH131

Học phần này thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp kiến thức nền tảng những nguyên lý triết học của Chủ nghĩa Mác – Lênin, bao gồm các vấn đề về thế giới quan duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật, như: Quan hệ biện chứng giữa vật chất, ý thức; hai nguyên lý, ba quy luật và sáu cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật; vấn đề lý luận nhận thức. Học phần còn cung cấp những kiến thức cơ bản phản ánh quy luật vận động, phát triển của xã hội được thể hiện trong các nội dung: Học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội; vấn đề giai cấp và nhân loại; vấn đề nhà nước và cách mạng xã hội; vấn đề tồn tại xã hội và ý thức xã hội; vấn đề con người trong triết học Mác – Lênin.

6.2. HỌC PHẦN: KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC-LÊ NIN, MÃ HP: 55SPE121

Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp kiến thức cơ sở, nền tảng tư tưởng cho người học là lý luận kinh tế chính trị của Các Mác và Lênin về sản xuất hàng hoá và thị trường; về nguồn gốc, bản chất và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư; về cạnh tranh và độc quyền trong CNTB hiện đại. Đồng thời, học phần còn tiếp cận các vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế chính trị trong thời kì quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

6.3. HỌC PHẦN: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC, MÃ HP: 55SSO121

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học làm rõ những quy luật và tính quy luật về chính trị - xã hội của quá trình hình thành, phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp để

xây dựng chủ nghĩa xã hội. Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học tập trung luận giải nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, xã hội xã hội chủ nghĩa, nền dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

6.4. HỌC PHẦN: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH, MÃ HP: 55HCM121

Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương, nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, tập trung luận giải nội dung những chuyên đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tư tưởng về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về văn hoá, đạo đức và con người.

6.5. HỌC PHẦN: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, MÃ HP: 55HPV121

Môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cơ bản nghiên cứu về quá trình hình thành, phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến 2018. Chương 1 nghiên cứu về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Chương 2, 3 nghiên cứu về quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1945 - 2018). Kết luận khái quát các bài học lớn của cách mạng Việt Nam từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời tới nay.

6.6. HỌC PHẦN: PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG, MÃ HP: 55EDL121

Pháp luật đại cương là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương của tất cả các chương trình đào tạo. Môn học cung cấp những kiến thức lý luận về nhà nước và pháp luật, nội dung cơ bản của một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình.

6.7. HỌC PHẦN: TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG, MÃ HP: 55GIF131

Học phần Tin học đại cương cung cấp các kiến thức cơ bản về: Cấu trúc chung của máy tính; xử lý lỗi cơ bản của máy tính; hệ điều hành; Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word; Định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel; Thao tác với slide; định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide; tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint; Mạng máy tính và an toàn thông tin; một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

6.8. HỌC PHẦN: TIẾNG ANH 1, MÃ HP: 55ENG131

Môn Tiếng Anh 1 là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm. Môn học Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thám hiểm để phát triển được kỹ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, môn học này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn gọn theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày.

Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MyELT và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

6.9. HỌC PHẦN: TIẾNG ANH 2, MÃ HP: 55ENG132

Môn **Tiếng Anh 2** là học phần kế tiếp của Tiếng Anh 1, là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm. Môn **Tiếng Anh 2** trang bị cho người học vốn từ vựng về các chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp, và khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, người học được củng cố các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có to, các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và loại 0. Những kiến thức trong học phần không chỉ mang tính học thuật mà còn bao gồm những thông tin và hiểu biết thực tế về các địa danh, con người và sự kiện ở một vài quốc gia trên thế giới.

Học phần này tiếp tục rèn luyện cho người học các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh ở cấp độ Bậc 3 thấp gồm nghe, nói, đọc và viết, đặt trong 4 chủ đề chính như đã nêu ở trên. Kết thúc học phần này, trong phạm vi các chủ đề đã học, người học có khả năng nói chuyện, nghe lấy ý chính và lấy thông tin, đọc hiểu ý chính và đọc lấy thông tin, viết đoạn văn ngắn 35-45 từ.

Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MyELT và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

6.10. HỌC PHẦN: TIẾNG ANH 3, MÃ HP: 55ENG143

Môn **Tiếng Anh 3** là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Học phần **tiếng Anh 3** tiếp tục bổ sung cho sinh viên lượng từ vựng về các chủ đề Ngôn ngữ và học tập; Du lịch và kỳ nghỉ; Lịch sử; Tự nhiên cùng với các chủ điểm ngữ pháp về câu bị động ở hiện tại và quá khứ; quá khứ hoàn thành, câu hỏi cho chủ ngữ và tân ngữ, tính từ đuôi -*ing* và đuôi -*ed*; câu trúc *used to*, câu gián tiếp; câu điều kiện loại 2, các đại từ bất định, *will*, *might*. Ngoài ra, ở học phần này, sinh viên tiếp tục được rèn luyện các kỹ năng giao tiếp trong tiếng Anh như: nghe hiểu được các cuộc hội thoại, các cuộc phỏng vấn và các bài viết; đọc hiểu các bài báo về các chủ đề được học; trình bày quan điểm cá nhân, lập kế hoạch hay phỏng vấn và rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn đơn giản.

Cùng với các học phần tiếng Anh 1, 2, học phần tiếng Anh 3 tiếp tục phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Anh cho sinh viên ở trình độ tiếng Anh bậc 3 ở mức trung bình theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng được trong hoạt động giao tiếp.

6.11. HỌC PHẦN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1, MÃ HP: 55PHE111

Học phần này trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sơ lược nguồn gốc và lịch sử phát triển của môn Bơi; Ý nghĩa, tác dụng của môn Bơi đối với việc tăng cường và rèn luyện sức khỏe cho con người; Vai trò của việc tập luyện và thi đấu môn bơi lội trong các đại hội thể dục thể thao các cấp và đại hội Olympic. Hiểu biết về đặc tính của môi trường nước liên quan tới người bơi như: Nguyên lý thủy tĩnh lực học, nguyên lý thủy động lực học, những lực cản tác động đến cơ thể người bơi; Học các giai đoạn của một kỹ thuật Bơi thể thao (Bơi ếch): Cách làm nổi người, lướt nước, học kỹ thuật động tác chân, kỹ thuật động tác tay, phối hợp chân với tay, động tác thở, phối hợp tay- chân- thở và hoàn thiện toàn bộ kỹ thuật kiểu Bơi ếch thể thao.

6.12. HỌC PHẦN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2, MÃ HP: 55PHE112

Học phần Giáo dục thể chất II (Tự chọn) dành cho sinh viên không chuyên ngành TDTT Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên hiểu biết về nguồn gốc, lịch sử, đặc điểm, lợi ích, tác dụng của môn thể thao; thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn thể thao; phương pháp tập luyện và thi đấu; phân tích được một số chấn thương thường gặp, cách phòng ngừa các chấn thương. Hình thành

loại hình nghệ thuật tạo hình; mối quan hệ giữa nghệ thuật tạo hình với văn học; vận dụng thực hành các bài tập liên quan giữa tạo hình và văn học.

6.25. HỌC PHẦN THỰC TẾ VĂN HỌC, MÃ HP: 55PPE221

Môn học là học phần tự chọn, giúp người học có những kiến thức về văn học Việt Nam hiện đại, văn học dân tộc thiểu số, văn học địa phương thông qua trải nghiệm thực tế nhằm phục vụ cho việc giảng dạy văn học và hướng dẫn học sinh phổ thông tham gia thực tế/ ngoại khoá văn học. Môn học mang tính đặc thù, nhằm cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng thực tế văn học, tìm hiểu các giá trị văn hoá, văn học qua tham quan, trải nghiệm. Đây là một trong ít những môn học giúp sinh viên có những trải nghiệm thực tế nên nó có vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo của ngành Sư phạm Ngữ văn.

6.26. HỌC PHẦN: TÁC PHẨM VÀ THỂ LOẠI VĂN HỌC, MÃ HP: 55LWG331

Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, gồm có hai chương: Chương 1: *Tác phẩm văn học*, gồm các đơn vị kiến thức xoay quanh tác phẩm văn học như: tính chỉnh thể của TPVH, nội dung và hình thức của TPVH, các cấp độ biểu hiện của nội dung, hình thức của TPVH và mối quan hệ giữa chúng. Chương 2: *Thể loại văn học*, gồm các đơn vị kiến thức như sự phân chia thể loại trong văn học, đặc điểm thi pháp của một số thể loại tiêu biểu như tác phẩm trữ tình, tác phẩm tự sự, tác phẩm kịch, tác phẩm kí.

6.27. HỌC PHẦN: TIỀN TRÌNH VĂN HỌC, MÃ HP: 55LIP331

Tiền trình văn học là môn học cung cấp toàn bộ nội dung mỗi trào lưu văn học thế giới. Đồng thời, chỉ ra sự ảnh hưởng các nguyên tắc sáng tạo của các trào lưu văn học thế giới đến văn học Việt Nam. Môn học cũng giúp người học nắm bắt được những mặt tích cực và tiêu cực của các giai đoạn văn học để đánh giá vai trò và vị trí của các trào lưu văn học cũng như khả năng ứng dụng nó trong học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học Ngữ văn.

6.28. HỌC PHẦN: NGỮ ÂM- TỪ VỰNG TIẾNG VIỆT, MÃ HP: 55VPV331

Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, thuộc học phần bắt buộc, giới thiệu kiến thức chuyên sâu về Ngữ âm và Từ vựng tiếng Việt. Học phần có nhiệm vụ trang bị hệ thống kiến thức cơ bản và chuyên sâu về ngữ âm, từ vựng tiếng Việt; kỹ năng nhận diện, sử dụng các đơn vị ngữ âm – từ vựng; một số vấn đề về ngữ âm trong nhà trường PT và gợi ý về phương pháp dạy học từ vựng ở trường PT. Từ đó, người học có khả năng lựa chọn, sử dụng chính xác các đơn vị ngôn ngữ trong giao tiếp, giảm tối đa cách diễn đạt không phù hợp.

6.29. HỌC PHẦN: NGỮ PHÁP TIẾNG VIỆT, MÃ HP: 55VMG341

Ngữ pháp tiếng Việt nằm trong khối kiến thức chuyên ngành. Môn học có nhiệm vụ trang bị cho người học Ngữ văn hệ thống kiến thức cơ bản về ngữ pháp tiếng Việt; kỹ năng nhận diện, sử dụng các đơn vị ấy. Môn học có cấu trúc gồm 5 chương. Chương 1: *Một số vấn đề chung về ngữ pháp tiếng Việt*; Chương 2: *Từ loại*; Chương 3: *Cụm từ*; Chương 4: *Câu*; Chương 5: *Văn bản*. Nhờ tập hợp các quy tắc sử dụng tiếng Việt được đề cập trong môn học mà người học có thể nắm được cấu trúc của tiếng Việt, có khả năng sử dụng chính xác, hiệu quả các đơn vị tiếng Việt trong giao tiếp, giảm tối đa cách diễn đạt không phù hợp.

6.30. HỌC PHẦN: NGỮ DỤNG- PHONG CÁCH HỌC TIẾNG VIỆT, MÃ HP: 55PVS331

Môn học nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, thuộc học phần bắt buộc, có nhiệm vụ trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về Ngữ dụng- Phong cách học tiếng Việt; kỹ năng nhận diện, sử dụng các đơn vị ngôn ngữ; giá trị của các nguồn phương tiện tu từ, biện pháp tu từ của ngôn ngữ và một số gợi ý về phương pháp dạy học những vấn đề về Ngữ dụng - Phong cách học tiếng Việt ở trường phổ thông cũng như làm các đề tài nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng năng lực tự học, năng lực hợp tác.

6.31 HỌC PHẦN: LÀM VĂN, MÃ HP: 55WRI331

Đây là môn học có tính chất thực hành tổng hợp, tích hợp kiến thức của Văn học và Tiếng Việt. Môn học trang bị cho người học kiến thức về các kiểu loại văn bản, kỹ năng tạo lập các kiểu bài văn; nâng cao năng lực giao tiếp trong các hoạt động nghe, nói, đọc, viết. Bên cạnh đó, môn học đưa ra một số gợi ý về phương pháp dạy học môn Làm văn ở trường phổ thông.

6.32. HỌC PHẦN: TỪ HÁN VIỆT, MÃ HP: 55SVV321

Học phần cung cấp những kiến thức nền tảng về quá trình tiếp xúc ngôn ngữ Việt - Hán; sự hình thành, vai trò của từ Hán Việt; các biện pháp Việt hóa từ ngữ Hán; những tri thức cơ bản về từ mượn Hán; đồng thời giúp người học có những hiểu biết về đặc điểm, cách nhận diện, giá trị của từ ngữ Hán Việt cũng như về sắc thái tu từ của từ Hán Việt nhằm nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt, nâng cao ý thức bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt.

6.33. HỌC PHẦN: VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM, MÃ HP: 55VIF341

Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, gồm 6 chương, cung cấp cho người học những tri thức chuyên sâu về khoa học văn học dân gian như: khái niệm, các đặc trưng cơ bản; tiến trình lịch sử; đặc điểm hệ thống thể loại văn học dân gian và khái quát về văn học dân gian các dân tộc thiểu số.

6.34. HỌC PHẦN: TỔNG QUAN VĂN HỌC TRUNG ĐẠI, MÃ HP: 55MVL331

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản, khái quát về văn học Việt Nam hiện đại từ đầu thế kỷ XX đến nay (gồm các chặng đường vận động, đặc điểm cơ bản, thành tựu, hạn chế và sự vận động của một số thể loại tiêu biểu). Qua đó, người học am hiểu và giảng dạy tốt các tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam hiện đại ở trường phổ thông và có kiến thức hệ thống để tiếp cận các học phần tiếp theo của văn học Việt Nam hiện đại.

6.35. HỌC PHẦN: TÁC GIA VĂN HỌC VIỆT NAM TRUNG ĐẠI, MÃ HP: 55AML331

Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, trang bị một phần kiến thức cơ bản không thể thiếu đối với sinh viên sư phạm chuyên ngành Ngữ văn, giúp người học có nền tảng kiến thức cần thiết để giảng dạy tốt phần văn học Việt Nam trung đại ở trường Phổ thông.

Môn học này gồm 7 chương trang bị cho sinh viên những kiến thức về những tác gia tiêu biểu của văn học trung đại Việt Nam: Nguyễn Trãi, Nguyễn Dữ, Đặng Trần Côn - Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến.

6.36. HỌC PHẦN: MINH GIẢI VĂN BẢN VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM, MÃ HP: 55ITM321

Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ sở, nòng cốt về một số văn bản thơ văn trung đại Việt Nam, giúp sinh viên cảm nhận được đầy đủ và thấu đáo cái hay cái đẹp của các tác phẩm, từ đó tiếp nhận, xử lý tốt nhất phần dạy học các tác phẩm văn học trung đại trong chương trình. Học phần yêu cầu sinh viên vận dụng tri thức, kỹ

năng tổng hợp về nhiều lĩnh vực; góp phần hình thành năng lực dạy học tác phẩm văn học Việt Nam trung đại.

6.37. HỌC PHẦN: TỔNG QUAN VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI, MÃ HP: 55EVL331

Môn *Tổng quan văn học Việt Nam hiện đại* nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, là học phần bắt buộc, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, khái quát về tiến trình vận động và phát triển của văn học Việt Nam hiện đại từ đầu thế kỷ XX đến nay. Trên nền tảng kiến thức được trang bị, người học am hiểu và giảng dạy tốt các tác phẩm thuộc các thể loại tiêu biểu của văn học Việt Nam hiện đại ở trường phổ thông và có kiến thức nền tảng, hệ thống để tiếp cận các học phần tiếp theo của phân môn Văn học Việt Nam hiện đại.

Môn học có 3 chương, bao gồm: Khái quát văn học Việt Nam giai đoạn từ đầu thế kỷ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945; Khái quát văn học Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975; Khái quát văn học Việt Nam giai đoạn từ sau 1975 đến nay.

6.38. HỌC PHẦN: TÁC GIA VĂN HỌC VIỆT NAM GIAI ĐOẠN TỪ 1900 ĐẾN 1945, MÃ HP: 55AVL331

Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, trang bị một phần kiến thức cơ bản không thể thiếu đối với sinh viên sư phạm chuyên ngành Ngữ văn, giúp sinh viên có nền tảng kiến thức cần thiết để giảng dạy tốt phần văn học Việt Nam cận hiện đại 1900-1945 ở trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.

Môn học gồm 3 chương cung cấp các tri thức chuyên sâu về các tác gia tiêu biểu của văn học giai đoạn 1900-1945 và định hướng dạy học các tác phẩm tiêu biểu của họ được chọn giảng trong chương trình phổ thông.

6.39. HỌC PHẦN: TÁC GIA VĂN HỌC VIỆT NAM GIAI ĐOẠN TỪ 1945 ĐẾN NAY, MÃ HP: 55AVL332

Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, trang bị một phần kiến thức cơ bản không thể thiếu đối với sinh viên sư phạm chuyên ngành Ngữ văn, giúp sinh viên có nền tảng kiến thức cần thiết để giảng dạy tốt phần văn học Việt Nam hiện đại sau 1945 ở trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.

Môn học gồm 2 chương cung cấp các tri thức chuyên sâu về các tác gia tiêu biểu của văn học giai đoạn sau 1945 và định hướng dạy học các tác phẩm tiêu biểu của họ được chọn giảng trong chương trình phổ thông.

6.40. HỌC PHẦN: VĂN HỌC TRUNG QUỐC, MÃ HP: 55CHL321

Môn học Văn học Trung Quốc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, là loại học phần bắt buộc. Môn học gồm có 5 chương, trình bày về văn học Trung Quốc từ những vấn đề chung (đất nước, con người; thành tựu văn hóa tiêu biểu, tiến trình văn học, tác gia...) đến các tác phẩm cụ thể của Lí Bạch, Đỗ Phủ, La Quán Trung, Lỗ Tấn...; định hướng dạy học đọc hiểu một số tác phẩm, đoạn trích tác phẩm văn học Trung Quốc được giảng dạy trong nhà trường ở Việt Nam.

6.41. HỌC PHẦN: VĂN HỌC NGA, MÃ HP: 55RSL321

Môn học Văn học Nga thuộc khối kiến thức chuyên ngành, là loại học phần bắt buộc. Môn học gồm có 6 chương, trình bày về văn học Nga từ những vấn đề chung (đất nước, con người; thành tựu văn hóa tiêu biểu, tiến trình văn học, tác gia...) đến các tác phẩm cụ thể của A.C. Pushkin, L.N. Tolstoy, A.P. Chekhov, M. Gorky, M. Sholokhov...; định hướng dạy học đọc hiểu một số tác phẩm, đoạn trích tác phẩm văn học Nga được giảng dạy trong nhà trường ở Việt Nam.

6.42. HỌC PHẦN: VĂN HỌC PHƯƠNG TÂY, MÃ HP: 55WEL341

Môn học có 6 chương thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Chương 1 trình bày thành tựu văn học cổ Hy Lạp (thần thoại, sử thi, bi kịch...). Chương 2 trình bày về văn học Phục Hưng. Chương 3 trình bày về văn học cổ điển. Chương 4 trình bày về văn học Ánh Sáng. Chương 5 trình bày về văn học lãng mạn và hiện thực. Chương 6 trình bày về văn học hiện đại, hậu hiện đại thế kỉ XX; định hướng dạy học đọc hiểu một số tác phẩm, đoạn trích trong chương trình Ngữ văn.

6.43. HỌC PHẦN: VĂN HỌC ÁN ĐỘ- NHẬT BẢN, MÃ HP: 55IJL321

Môn học có 2 chương, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, học phần bắt buộc. Chương 1 trình bày tiền đề, thành tựu và đặc điểm các giai đoạn văn học Ấn Độ; các tác giả tác phẩm quan trọng và việc định hướng dạy - học một số tác phẩm văn học Ấn Độ. Chương 2 đề cập tiền đề, thành tựu và đặc điểm các giai đoạn văn học Nhật Bản, thơ haiku, truyện ngắn Kawabata và định hướng dạy - học một số tác phẩm văn học Nhật Bản trong chương trình Ngữ văn phổ thông.

6.44. HỌC PHẦN: NGÔN NGỮ BÁO CHÍ, MÃ HP: 55MEL321

Ngôn ngữ báo chí (môn học tự chọn dành cho sinh viên ngành Ngữ văn) gồm 3 chương: Những vấn đề chung, Đặc điểm sử dụng ngôn ngữ của các loại hình và thể loại báo chí, một số phương diện cụ thể của ngôn ngữ báo chí. Môn học nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức lý luận cơ bản về: báo chí, ngôn ngữ báo chí. Trên cơ sở ấy, hình thành các kỹ năng cần thiết như: nhận diện các thể loại báo chí, tạo lập và kiểm tra chất lượng các sản phẩm báo chí...

6.45. HỌC PHẦN: VĂN HỌC ĐỊA PHƯƠNG KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC, MÃ HP: 55LNM321

Môn học trang bị cho người học những tri thức cơ bản, chuyên sâu về văn học địa phương ở các tỉnh miền núi phía Bắc thời kì hiện đại như: khái niệm, đặc điểm về tự nhiên, xã hội và văn hoá, lịch sử; các chặng đường vận động và phát triển; một số đặc điểm cơ bản; thành tựu và hạn chế; các tác giả, tác phẩm tiêu biểu. Qua đó, giúp sinh viên có nền tảng kiến thức cần thiết để giảng dạy tốt phần văn học địa phương ở trường phổ thông.

6.46. HỌC PHẦN: ĐIỀN DÃ, SƯU TẦM VĂN HÓA DÂN GIAN, MÃ HP: 55FCF321

Học phần thuộc phần tự chọn 1 trong khối kiến thức chuyên ngành, gồm ba chương nội dung. Chương 1 và chương 2 cung cấp những tri thức cơ bản về điền dã sưu tầm văn hóa dân gian gồm: công tác chuẩn bị và các phương pháp điền dã, sưu tầm, xử lý tư liệu. Chương 3 hướng dẫn người học thực hành công tác điền dã, sưu tầm, tập hợp, xử lý tư liệu, viết báo cáo thu hoạch kết quả thực tế chuyên môn.

6.47. DẠY HỌC TỪ HÁN VIỆT Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG, MÃ HP: 55TSV321

Môn học cung cấp các tri thức liên quan đến việc dạy học từ Hán Việt ở trường phổ thông. Sau khi điểm qua các cách thức, biện pháp chủ yếu liên quan đến việc dạy học từ Hán Việt đã được đề xuất từ trước đến nay, môn học sẽ tập trung giới thiệu một số biện pháp nhằm giúp học sinh hiểu được ý nghĩa, ghi nhớ và sử dụng chuẩn xác vốn từ Hán Việt cần thiết trong tiếp nhận văn bản văn học ở nhà trường và trong các hoạt động giao tiếp khác.

6.48. HỌC PHẦN: DẠY HỌC VĂN HỌC DÂN GIAN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG, MÃ HP: 55TFL321



Học phần gồm 3 chương. Chương 1: Văn học dân gian ở trường phổ thông, phần này trình bày vị trí, vai trò và cấu trúc phần văn học dân gian trong chương trình Ngữ văn ở trường phổ thông; Chương 2: Dạy học văn học dân gian ở trường phổ thông, với các nội dung như nguyên tắc dạy học văn học dân gian, vận dụng các phương pháp dạy học Ngữ văn để dạy văn học dân gian, vận dụng các phương pháp nghiên cứu để dạy học văn học dân gian. Chương 3, trên cơ sở lý thuyết dạy học từ đó có những định hướng dạy học đọc – hiểu tác phẩm văn học dân gian theo đặc trưng thể loại, xây dựng một số hình thức dạy học văn học dân gian trong trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực người học.

6.49. HỌC PHẦN: DẠY HỌC TÁC PHẨM VĂN HỌC TRUNG ĐẠI Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG, MÃ HP: 55TML321

Môn học nằm trong khối kiến thức tự chọn 1, trau rèn nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm chuyên ngành Ngữ văn. Môn học gồm 03 chương: Chương 1, cung cấp những tri thức cơ bản về chương trình Ngữ văn phổ thông. Chương 2, phân tích một số thuận lợi, khó khăn khi dạy học văn bản văn học Việt Nam trung đại ở trường phổ thông; Các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp. Chương 3 hướng dẫn học sinh thực hành tổ chức dạy học một số văn bản văn học Việt Nam thời trung đại ở trường phổ thông.

6.50. HỌC PHẦN: DẠY HỌC TÁC PHẨM VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG, MÃ HP: 55TMS321

Môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành, là một trong những học phần tự chọn giúp sinh viên ứng dụng các tri thức về đặc trưng cơ bản của các thể loại văn học để nghiên cứu, thực hành giảng dạy các tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại trong chương trình phổ thông. Sinh viên được thực hành để nắm vững tác phẩm và có phương pháp giảng dạy phù hợp, biết vận dụng để phân tích, giảng dạy các tác phẩm văn học có cùng đặc trưng thể loại.

6.51. HỌC PHẦN: TIẾP CẬN TÁC PHẨM VĂN HỌC TỪ CÁC PHẠM TRÙ THẨM MỸ, MÃ HP: 55WAC321

Môn học nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, loại học phần tự chọn, gồm có hai chương. Chương 1: *Khái quát về mỹ học* - tập trung khái quát về đời sống thẩm mỹ của văn học trên cả hai phương diện khách quan và chủ quan. Đồng thời, chỉ ra các đặc điểm biểu hiện và bản chất thẩm mỹ của các phạm trù thẩm mỹ cơ bản như: cái Đẹp, cái Cao cả, cái Bi, cái Hải... Chương 2: *Định hướng tiếp cận tác phẩm văn học từ các phạm trù thẩm mỹ* - đề xuất những định hướng tiếp cận một tác phẩm văn học từ các phạm trù thẩm mỹ; định hướng cách thiết kế, tổ chức hoạt động giáo dục thẩm mỹ ở các phương diện: cảm thụ, đánh giá và sáng tạo khi tiếp cận một tác phẩm văn học cụ thể.

6.52. HỌC PHẦN: VIỆT NGŨ HỌC VỚI NGHIỆP VỤ VĂN THƯ, VĂN PHÒNG, MÃ HP: 55LCP321

Việt ngữ học với nghiệp vụ văn thư văn phòng (môn học tự chọn dành cho sinh viên ngành Ngữ văn) gồm 3 chương: Nghiệp vụ văn phòng, nghiệp vụ công tác văn thư, nghiệp vụ công tác lưu trữ. Môn học cung cấp những kiến thức lý luận và kỹ năng cơ bản cho sinh viên về công tác quản trị hành chính văn phòng và công tác văn thư lưu trữ: quản lý hồ sơ, sắp xếp cuộc họp, thu thập và xử lý thông tin, viết văn bản, biểu mẫu...

6.53. HỌC PHẦN: DẠY HỌC VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG, MÃ HP: 55TFL321

Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, thuộc loại học phần tự chọn, gồm hai chương. Chương 1 trình bày khái niệm, đặc trưng, vị trí, vai trò của văn học nước

ngoài trong việc hình thành năng lực cho học sinh; Chương 2 trình bày các nguyên tắc, phương pháp dạy học, nghiên cứu để thực hành dạy học văn học nước ngoài, định hướng dạy học và hướng dẫn thực hành dạy học một số thể loại, chủ đề của văn học nước ngoài trong chương trình giáo dục môn Ngữ văn.

6.54. HỌC PHẦN: DẠY HỌC TIẾNG VIỆT Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG, MÃ HP: 55TVI321

Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, thuộc phần tự chọn theo định hướng giáo dục nghề nghiệp. Môn học trang bị cho người học kiến thức cơ bản và mở rộng về các nội dung dạy học của phân môn Tiếng Việt ở trường phổ thông và những nội dung cơ bản về dạy học phát triển kỹ năng tiếng Việt (Nghe – Nói, Đọc và Viết) cho học sinh phổ thông. Trên cơ sở đó, người học có những định hướng về phương pháp, hình thức tổ chức dạy – học ở từng nội dung đơn vị kiến thức và ở từng kỹ năng cụ thể.

6.55. HỌC PHẦN: VĂN HỌC VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI, MÃ HP: 55CVL321

Môn học nằm trong khối kiến thức tự chọn, trang bị một phần kiến thức cơ bản cho sinh viên sư phạm chuyên ngành Ngữ văn, giúp sinh viên có nền tảng kiến thức cần thiết để giảng dạy tốt phần Văn học Việt Nam đương đại ở trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.

Môn học gồm 2 chương, giới thiệu những vấn đề cơ bản về văn học Việt Nam đương đại (tình hình vận động và phát triển, các xu hướng sáng tác tiêu biểu; các hiện tượng văn học, các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học giai đoạn này...). Đồng thời, định hướng tiếp cận một số tác phẩm văn học Việt Nam đương đại được chọn giảng ở nhà trường phổ thông.

6.56. HỌC PHẦN: VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN, MÃ HP: 55CAD321

Môn học nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, nhóm các học phần tự chọn, gồm ba chương. Chương 1 trình bày các khái niệm liên quan tới văn hóa và phát triển, vai trò của văn hóa đối với sự phát triển kinh tế xã hội. Chương 2 đề cập đến các đặc điểm của văn hóa Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa văn hóa và đa dạng văn hóa. Chương 3 phân tích các chính sách và giải pháp liên quan tới văn hóa và phát triển trong và ngoài Việt Nam.

6.57. HỌC PHẦN: VĂN HỌC HẬU HIỆN ĐẠI THẾ GIỚI, MÃ HP: 55POL321

Môn học có 3 chương thuộc khối kiến thức chuyên ngành, là học phần tự chọn. Chương 1 trình bày kiến thức tổng quan về văn học hậu hiện đại (tiền đề, các khái niệm cơ bản, các khuynh hướng cơ bản...). Chương 2 trình bày thành tựu của văn học hậu hiện đại Mỹ, Mỹ-La tinh, Nhật Bản... Chương 3 trình bày thành tựu của văn học hậu hiện đại Việt Nam. Các chương đều có nội dung định hướng dạy học đọc hiểu một số tác phẩm, đoạn trích tác phẩm dạy học trong chương trình Ngữ văn.

6.58. HỌC PHẦN: TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC, MÃ HP: 55EPS431

Môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tâm lý học giáo dục như: bản chất, chức năng, các hiện tượng tâm lý người; đặc điểm phát triển tâm lý trẻ em ở từng thời kỳ lứa tuổi; cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học; cơ sở tâm lý học của hoạt động giáo dục đạo đức. Đặc biệt, môn học cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về các nguyên tắc đạo đức và kỹ năng hỗ trợ tâm lý trong trường học để vận dụng vào việc giảng dạy, nghiên cứu tâm lý con người, hình thành và phát triển nhân cách học sinh, hỗ trợ học sinh giải quyết những khó khăn tâm lý.

6.59. HỌC PHẦN: GIÁO DỤC HỌC, MÃ HP: 55PEP441

Giáo dục học là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo giáo viên. Môn học đề cập đến những nội dung sau:

- Giáo dục học là một khoa học về giáo dục con người; Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách; Kiến thức về mục đích và nhiệm vụ giáo dục.

- Kiến thức về lý luận dạy học như: khái niệm quá trình dạy học, cấu trúc, nhiệm vụ, bản chất của quá trình dạy học, quy luật, động lực, logic của quá trình dạy học; nguyên tắc và phương pháp dạy học, hình thức tổ chức tổ chức dạy học.

- Kiến thức về lý luận giáo dục: Khái niệm quá trình giáo dục, đặc điểm, bản chất của quá trình giáo dục, logic của quá trình giáo dục; Các nguyên tắc và phương pháp giáo dục; kiến thức và kỹ năng tổ chức một số hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.

- Những yêu cầu về nhân cách người giáo viên, đặc điểm lao động sư phạm vai trò và nội dung công tác của giáo viên chủ nhiệm lớp trong môi trường đa văn hóa và cách mạng 4.0;

6.60. HỌC PHẦN: PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MÔN NGỮ VĂN, MÃ HP: 55DPC421

Phát triển chương trình môn Ngữ văn là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo giáo viên Ngữ văn. Nội dung của môn học được triển khai trong 3 chương: Chương 1, giới thiệu những kiến thức lý luận chung; Chương 2, trang bị quy trình phát triển chương trình môn Ngữ văn ở trường phổ thông; Chương 3, tổ chức thực hành phát triển chương trình môn Ngữ văn ở trường phổ thông theo định hướng phát triển năng lực.

6.61. HỌC PHẦN: LÝ LUẬN DẠY HỌC NGỮ VĂN, MÃ HP: 55TPT431

Môn *Lý luận dạy học Ngữ văn* trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản để dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông; Lý luận chung về dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông: Vị trí, đặc điểm của môn Ngữ văn; Quá trình dạy học Ngữ văn; Nguyên tắc và phương pháp dạy học Ngữ văn: Các phương pháp dạy học tri thức Ngữ văn, các phương pháp dạy học tiếp nhận văn bản và tạo lập văn bản. Kiến thức lý luận về hình thức, phương tiện trong dạy học Ngữ văn.

6.62. HỌC PHẦN: ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC NGỮ VĂN, MÃ HP: 55ETP421

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về phương pháp và cách thức tổ chức hoạt động kiểm tra đánh giá đối với môn Ngữ văn trong trường phổ thông. Môn học gồm có ba chương. Chương 1. Khái quát về đánh giá trong dạy học. Chương 2: Phương pháp và công cụ đánh giá trong dạy học Ngữ văn. Chương 3: Xử lý và phản hồi kết quả đánh giá trong dạy học môn Ngữ văn.

6.63. HỌC PHẦN: DẠY HỌC NGỮ VĂN THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC, MÃ HP: 55TPC431

Môn học cung cấp cho sinh viên những tri thức về năng lực ngữ văn và dạy học Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Đồng thời, qua môn học, sinh viên sẽ nắm được những phương pháp để phát triển năng lực cho học sinh một cách toàn diện. Môn học gồm bốn chương: Chương 1, Lý luận chung; Chương 2, Dạy học tiếng Việt; Chương 3, Dạy học đọc hiểu văn bản; Chương 4, Dạy học tạo lập văn bản.

6.64. HỌC PHẦN: THỰC HÀNH SƯ PHẠM 1, MÃ HP: 55PEP421

Môn *Thực hành sư phạm* sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cơ bản để dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông. Kết cấu của môn học gồm ba chương. Chương 1: thực hành rèn luyện kỹ năng diễn thuyết và xử lý tình huống sư phạm. Chương 2: thực hành kỹ năng lên lớp. Chương 3: thực hành luyện tập một số kỹ năng biểu diễn nghệ thuật trong dạy học Ngữ văn. Để học môn này, sinh viên cần có những kiến thức cơ bản về tâm lý học sư phạm, giáo dục.

6.65. HỌC PHẦN: THỰC HÀNH SƯ PHẠM 2, MÃ HP: 55PEP422

Thực hành sư phạm 2 sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ cơ bản để dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông. Kết cấu của môn học gồm ba chương: Chương 1 *Rèn luyện kỹ năng dạy học kiến thức Tiếng Việt*; Chương 2 *Rèn luyện kỹ năng dạy học tiếp nhận văn bản*; Chương 3 *Rèn luyện kỹ năng dạy học tạo lập văn bản*. Để học môn này, sinh viên cần có những kiến thức cơ bản về tâm lý học sư phạm, giáo dục học, tiếng Việt, văn học và lý luận dạy học Ngữ văn.

6.66. HỌC PHẦN: THỰC TẬP SƯ PHẠM 1, MÃ HP: 55TRA421

Nội dung môn học Thực tập sư phạm 1 nhằm giúp người học hiểu được thực tế giáo dục, tiếp xúc với học sinh và giáo viên các cơ sở thực tập, qua đó hình thành tình cảm nghề nghiệp, thúc đẩy quá trình tự rèn luyện theo yêu cầu của nghề nghiệp; hiểu được các nội dung công việc chuyên môn của người giáo viên bộ môn, có được những kỹ năng ban đầu về công tác chủ nhiệm lớp.

6.67. HỌC PHẦN: THỰC TẬP SƯ PHẠM 2, MÃ HP: 55TRA432

Nội dung môn học Thực tập sư phạm 2 nhằm giúp người học hoàn thiện những kỹ năng về công tác chủ nhiệm lớp, công tác giáo dục, nâng cao tình cảm, đạo đức nghề nghiệp; có những kỹ năng có bản về soạn bài, lên lớp; tổ chức bài giảng; đánh giá kết quả học tập của học sinh; có thể lên lớp giảng bài và làm chủ nhiệm lớp một cách độc lập.

6.68. HỌC PHẦN: GIAO TIẾP SƯ PHẠM, MÃ HP: 55COS421

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giao tiếp, giao tiếp sư phạm như: các giai đoạn của quá trình giao tiếp; nguyên tắc, phong cách, kỹ năng giao tiếp sư phạm, quy tắc ứng xử trong trường học. Từ đó hình thành ở người học những kỹ năng, thái độ tương ứng để xử lý có hiệu quả các tình huống giao tiếp trong thực tiễn và hoạt động nghề nghiệp.

6.69. HỌC PHẦN: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY HỌC NGỮ VĂN, MÃ HP: 55ITP421

Môn *Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn* trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ cơ bản về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông. Chương 1, cung cấp những kiến thức lý thuyết chung về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn. Chương 2, cung cấp những kiến thức về kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn. Chương 3, thực hành rèn luyện kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn.

6.70. HỌC PHẦN: DẠY HỌC LÝ LUẬN VĂN HỌC Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG, MÃ HP: 55TLT421

Học phần *Dạy học lý luận văn học ở trường phổ thông* trang bị cho người học những kiến thức lý luận chung về dạy học lý luận ở trường phổ thông, phương pháp dạy học lý luận văn học. Kết cấu của môn học gồm ba chương. *Chương 1*: cung cấp những kiến thức lý luận chung về dạy học lý luận văn học ở trường phổ thông. *Chương 2*: cung cấp tri thức về dạy học lý luận văn học ở trường phổ thông. *Chương 3*: Thực hành dạy học lý luận văn học ở trường phổ thông.

6.71. HỌC PHẦN: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG DẠY HỌC NGỮ VĂN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG, MÃ HP: 55SRT421

Học phần *Nghiên cứu khoa học trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông* được triển khai trong ba chương. Nội dung ba chương trang bị cho học viên những kiến thức lý luận về nghiên cứu khoa học và hoạt động nghiên cứu khoa học; hoạt động nghiên cứu khoa học Ngữ văn; hoạt động nghiên cứu khoa học Ngữ văn ở trường phổ thông.

6.72. HỌC PHẦN: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM MÔN NGỮ VĂN, MÃ HP: 55OTC421

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông. Môn học gồm có ba chương: Chương 1 giới thiệu một số vấn đề lý luận chung. Chương 2 đề cập đến cách thức tổ chức hoạt động trải nghiệm. Chương 3 thực hành tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông. Từ đó người học hiểu và vận dụng để tổ chức hiệu quả hoạt động trải nghiệm trong nhà trường phổ thông.

6.73. HỌC PHẦN: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG RÈN LUYỆN KĨ NĂNG VIẾT VĂN NGHỊ LUẬN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG, MÃ HP: 55APW421

Tổ chức hoạt động rèn luyện kĩ năng viết văn nghị luận ở trường phổ thông trang bị cho người học những kiến thức, kĩ năng nghiệp vụ cơ bản để rèn luyện kĩ năng viết văn nghị luận cho học sinh phổ thông: Xây dựng bài tập rèn luyện kĩ năng viết văn nghị luận; Thiết kế hoạt động rèn luyện kĩ năng viết văn nghị luận; Tổ chức hoạt động rèn luyện kĩ năng viết văn nghị luận.

6.74. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

6.75. HỌC PHẦN: DẠY HỌC VĂN BẢN VĂN HỌC Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG, MÃ HP: 55TTB931

Chuyên đề *Dạy học văn bản văn học ở trường phổ thông* trang bị cho người học những kiến thức lý luận về phương pháp dạy học đọc hiểu văn bản: Dạy học đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông (đọc hiểu văn bản, mục tiêu dạy học, nội dung dạy học, yêu cầu dạy học, đánh giá năng lực đọc hiểu, ...); Phương pháp dạy học đọc hiểu văn bản (phương pháp dạy đọc kí hiệu văn bản, phương pháp dạy giải mã văn bản, phương pháp dạy kiến tạo nghĩa cho văn bản, phương pháp dạy học văn); Thực hành dạy học đọc hiểu văn bản.

6.76. HỌC PHẦN: DẠY HỌC CHUYÊN ĐỀ TỰ CHỌN MÔN NGỮ VĂN, MÃ HP: 55TEP931

Dạy học chuyên đề tự chọn môn Ngữ văn là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo giáo viên Ngữ văn. Học phần này gồm 3 chương: chương 1, Lý luận chung; chương 2, Dạy học chuyên đề tự chọn môn Ngữ văn theo định hướng đổi mới; chương 3, Thực hành dạy học chuyên đề học tập môn Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực.

6.77. HỌC PHẦN: DẠY HỌC VĂN BẢN THÔNG TIN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG, MÃ HP: 55TTC931

Dạy học đọc hiểu văn bản thông tin ở trường phổ thông trang bị cho người học những kiến thức, kĩ năng nghiệp vụ cơ bản để dạy học đọc hiểu văn bản thông tin ở trường phổ thông. Môn học gồm ba chương. Chương 1 Lý luận chung; Chương 2 Dạy học đọc hiểu văn bản thông tin; Chương 3 Thực hành dạy học văn bản thông tin. Để học môn này, sinh viên cần có những kiến thức cơ bản về tâm lý học sư phạm, giáo dục học, làm văn và lý luận dạy học Ngữ văn.

6.78. HỌC PHẦN: NGÔN NGỮ VỚI VĂN ĐỀ BẢO TỒN VĂN HÓA TRONG ĐỜI SỐNG CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ, MÃ HP: 55LCE921

Môn học nằm trong khối kiến thức tự chọn thay thế khóa luận tốt nghiệp, gồm 03 chương: Chương 1 giới thiệu khái quát về ngôn ngữ và văn hóa các DTTS ở Việt Nam, trong đó ngôn ngữ được đề cập đến với tư cách là một thành tố trong văn hóa các DTTS. Chương 2 đi sâu nhận diện, phân tích ngôn ngữ trong đời sống văn hóa các DTTS. Chương 3 tập trung làm rõ vấn đề bảo tồn, phát triển ngôn ngữ, văn hóa các DTTS.

6.79. HỌC PHẦN: VẬN DỤNG TRI THỨC VĂN HÓA VÀO GIẢNG DẠY VĂN HỌC DÂN GIAN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG, MÃ HP: 55ACF921

Môn học thuộc phân tự chọn 1 trong khối kiến thức thay thế khóa luận, gồm ba chương. Chương 1: Các vấn đề chung; Chương 2: Tri thức văn hóa trong văn học dân gian; Chương 3: Thực hành thiết kế bài học văn học dân gian vận dụng tri thức văn hóa. Môn học bổ sung cho sinh viên chuyên ngành tri thức chuyên sâu về văn học dân gian trong mối quan hệ với văn hóa, từ đó có thể vận dụng trong việc giảng dạy các văn bản văn học dân gian ở trường phổ thông.

6.80. HỌC PHẦN: VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM TRUNG ĐẠI, MÃ HP: 55ACF921

Môn học nằm trong khối kiến thức tự chọn thay thế khóa luận tốt nghiệp, gồm 03 chương: Chương 1: Những vấn đề chung về giá trị văn hóa truyền thống trong tác phẩm văn học Việt Nam trung đại. Chương 2 đi sâu nhận diện, phân tích văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên trong các tác phẩm văn học Việt Nam thời trung đại. Chương 3 tập trung làm rõ các phương diện của văn hóa ứng xử với con người trong các tác phẩm văn học Việt Nam thời trung đại.

6.81. HỌC PHẦN: ỨNG DỤNG LÝ THUYẾT NGÔN NGỮ TRONG PHÂN TÍCH TÁC PHẨM VĂN CHƯƠNG, MÃ HP: 55ALW921

Môn học được cấu trúc thành 3 chương: *Ứng dụng một số lý thuyết Ngữ âm tiếng Việt trong nghiên cứu tác phẩm văn chương; Ứng dụng một số lý thuyết Từ vựng tiếng Việt trong nghiên cứu tác phẩm văn chương; Ứng dụng một số lý thuyết Ngữ pháp tiếng Việt trong nghiên cứu tác phẩm văn chương.*

Học phần giúp người học trang bị cơ sở lý luận khoa học và kỹ năng cơ bản để nghiên cứu, phân tích phẩm văn chương.

6.82. HỌC PHẦN: GIẢI MÃ VĂN HỌC DÂN GIAN TỪ MÃ VĂN HÓA, MÃ HP: 55IFC921

Môn học thuộc phân tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành, gồm ba chương. *Chương 1: Đề cập đến những vấn đề lý thuyết về mã, mã văn hóa và mối quan hệ giữa văn học với văn hóa; người học hiểu ký hiệu, tín hiệu, biểu tượng văn hóa. Chương 2: Cung cấp cách thức tiếp cận văn học dân gian từ mã văn hóa; với những cách tiếp cận dấu ấn trong nội dung và hình thức văn bản tác phẩm. Chương 3: Người học có thể giải mã văn học dân gian từ mã văn hóa với một số vấn đề cụ thể như: Giải mã tín ngưỡng, phong tục, tập quán trong thần thoại, truyền thuyết và truyện cổ tích; giải mã biểu tượng trong ca dao và dân ca; giải mã các con số trong tục ngữ và lời nói vắn.*

6.83. HỌC PHẦN: THƠ MỚI VÀ DẠY THƠ MỚI Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG, MÃ HP: 55TTS921

Môn học gồm 2 chương, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, là một trong những học phần lựa chọn nhằm trang bị cho người học những tri thức cơ bản, chuyên sâu về Thơ mới, thi pháp Thơ mới và vấn đề tiếp cận Thơ mới ở trường phổ thông. Đồng thời, người học có thể vận dụng để thực hành, giảng dạy tốt các tác phẩm Thơ mới.

6.84. HỌC PHẦN: ĐỀ ÁN VIẾT SÁNG TẠO, MÃ HP: 55PCW931

Môn học nằm trong khối kiến thức tự chọn thay thế KLTN; được tiếp cận theo hình thức dạy học theo đề án và chia làm 3 chương: Chương 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về viết sáng tạo. Chương 2: Quy trình và kỹ thuật viết một tác phẩm hư cấu. Chương 3: Quy trình và kỹ thuật viết một tác phẩm phi hư cấu.

6.85. HỌC PHẦN: VĂN HỌC VÀ ĐỜI SỐNG, MÃ HP: 55LIL931

Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, là học phần lựa chọn, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và mở rộng về mối quan hệ giữa đời sống văn học và đời sống xã hội. Môn học gồm 3 chương với các nội dung sau: Văn học với vấn đề chiến tranh và hoà bình; Văn học với các vấn đề về đạo đức xã hội và Văn học với các vấn đề về tự nhiên. Từ đó bổ sung kiến thức liên ngành và khả năng tích hợp khi giảng dạy và nghiên cứu văn học Việt Nam hiện đại.